BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

TRẦN HOÀNG THÙY LINH

ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA CỦA NHÓM ĐỘNG TỪ CHUYỂN ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT

LUẬN VĂN THẠC SỸ KHOA HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC

Thừa Thiên Huế, 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

TRẦN HOÀNG THÙY LINH

ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA CỦA NHÓM ĐỘNG TỪ CHUYỂN ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT

CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC
MÃ SỐ: 8 22 90 20

LUẬN VĂN THẠC SỸ KHOA HỌC
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. NGUYỄN THỊ THU HÀ

Thừa Thiên Huế, 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi. Mọi số liệu và kết luận nghiên cứu trong Luận văn đều trung thực và chưa được công bố trong bất kì công trình khoa học nào khác.

Tác giả

Trần Hoàng Thùy Linh

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến gia đình, những người đã tạo cơ hội để tôi có thể học tập và thực hiện Luận văn tốt nghiệp trong điều kiện tốt nhất.

Tôi xin tỏ lòng biết ơn đến cô giáo TS. Nguyễn Thị Thu Hà, người đã tận tình hướng dẫn tôi trong suốt quá trình thực hiện Luận văn tốt nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý thầy cô giáo giảng dạy lớp Cao học Ngôn ngữ khóa 2017 – 2019 và quý thầy cô giáo ở khoa Ngữ Văn, trường Đại học Khoa học Huế đã trang bị cho tôi hệ thống kiến thức bổ ích, thiết thực trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành Luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trung tâm Thông tin – Thư viện, Ban lãnh đạo Khoa Ngữ Văn – trường Đại học Khoa học Huế đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi có thể hoàn thành chặng đường Cao học.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến bạn bè và các anh chị em trong lớp Cao học Ngôn ngữ khóa năm 2017 – 2019, những người đã khuyến khích, động viên tôi trong quá trình học tập và thực hiện đề tài tốt nghiệp.

Tác giả

Trần Hoàng Thùy Linh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Lí do chọn đề tài 1
2. Lịch sử nghiên cứu 2
3. Nhiệm vụ nghiên cứu 6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 6
5. Phương pháp nghiên cứu 7
6. Dự kiến đóng góp của luận văn 7
7. Kết cấu của luận văn 8
NỘI DUNG 9
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÍ THUYẾT 9
1.1. Động từ và động từ chuyển động trong tiếng Việt 9
1.1.1. Động từ tiếng Việt 9
1.1.2. Động từ chuyển động trong tiếng Việt 10
1.2. Lí thuyết trường nghĩa 12
1.3. Các thành phần nghĩa của từ 13
1.3.1. Nghĩa biểu vật 13
1.3.2. Nghĩa biểu niệm 16
1.4. Các quan hệ ngữ nghĩa trong trường từ vựng 17
1.4.1. Quan hệ đồng nghĩa và quan hệ đồng nghĩa bộ phận 17
1.4.2. Chuyển nghĩa và hiện tượng đa nghĩa 17
CHƯƠNG 2: CẤU TRÚC NGỮ NGHĨA CỦA NHÓM ĐỘNG TỪ CHUYỂN ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT 21
2.1. Dẫn nhập 21
2.2. Nghĩa biểu vật của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt 22
2.2.1. Hệ thống nghĩa biểu vật của nhóm động từ chuyển động 22
2.2.2. Các trường nghĩa biểu vật của nhóm động từ chuyển động 25
2.2.3. Các xu hướng chuyển trường nghĩa biểu vật 31

2.3. Cấu trúc nghĩa biểu niệm 35
2.3.1. Mô hình cấu trúc biểu niệm tổng quát 35
2.3.2. Các trường nghĩa biểu niệm cụ thể 37
CHƯƠNG 3: QUAN HỆ NGỮ NGHĨA CỦA NHÓM ĐỘNG TỪ CHUYỂN ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT 53
3.1. Dẫn nhập 53
3.2. Các xu hướng chuyển nghĩa 54
3.2.1. Xu hướng chuyển nghĩa từ thực từ sang hư từ 54
3.2.2. Xu hướng chuyển nghĩa của nhóm động từ chuyển động trong không gian sang chuyển động của thời gian… 58
3.2.3. Xu hướng chuyển nghĩa giữa động từ chuyển động và động từ tâm lí – nhận thức 61
3.2.4. Xu hướng chuyển nghĩa từ động từ chuyển động sang động từ xuất hiện – tồn tại – biến mất - tiêu hủy 62
3.3. Hiện tượng đồng nghĩa, đồng nghĩa bộ phận, trái nghĩa bộ phận của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt 64
3.3.1. Quan hệ đồng nghĩa trong nhóm động từ chuyển động tiếng Việt 64
3.3.2. Quan hệ đồng nghĩa bộ phận trong nhóm động từ chuyển động tiếng Việt 65
3.3.3. Quan hệ trái nghĩa bộ phận: *ra, vào, lên, xuống, ngược, xuôi* 71
3.4. Hiện tượng đa nghĩa của động từ *đi* 73
3.4.1. Đi từ cách tiếp cận của ngữ nghĩa học truyền thống 73
3.4.2. Cách tiếp cận của ngữ nghĩa học tri nhận đối với ý niệm "ĐI" 75
KẾT LUẬN 81
TÀI LIỆU THAM KHẢO 85
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ MÔ HÌNH

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Số lượng động từ chuyển động trong tiếng Việt ở các trường nghĩa biểu vật..... 23

Bảng 2.2. Số lượng động từ chuyển động trong tiếng Việt ở các trường nghĩa biểu niệm..... 37

DANH MỤC CÁC MÔ HÌNH

Mô hình 2.1: Cấu trúc nghĩa biểu vật của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt 22

Mô hình 2.2: Cấu trúc nghĩa biểu niệm của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt.....36

Mô hình 3.1: Hiện tượng đa nghĩa của ĐI theo cấu trúc mô hình tỏa tia.....78

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Hoạt động chuyển động nằm trong phạm trù vận động. Đây là một phạm trù của triết học dùng để chỉ "phương thức tồn tại của vật chất". Phương thức này thể hiện sự thay đổi của tất cả mọi sự vật hiện tượng, mọi quá trình diễn ra trong không gian, vũ trụ từ đơn giản đến phức tạp. Hình thức vận động thấp nhất, cơ bản nhất theo Engels là "vận động cơ học" - thể hiện sự di chuyển vị trí của các vật thể trong không gian. Các hình thức vận động cao hơn đều được hình thành trên cơ sở các hình thức vận động thấp.

Từ đó có thể thấy, di chuyển (hoặc chuyển động) là đặc trưng cốt lõi của con người, sự vật. Ngôn ngữ đã ghi tên hoạt động này bằng một nhóm các động từ phong phú về số lượng, đa dạng về cấu tạo, sinh động về cách thức chuyển động, nhịp độ chuyển động, môi trường chuyển động..v.v. Có thể kể đến các động từ tiêu biểu như: *đi, chạy, nhảy, bay, bò, trườn, leo..v.v.* Việc thiếu vắng các công trình nghiên cứu về hệ thống trường nghĩa chuyển động đã khiến cho bức tranh mô tả các trường nghĩa trong tiếng Việt thiếu đi những nét phác thảo quan trọng.

Những nghiên cứu từ vựng ở bình diện Ngữ nghĩa cho thấy các trường từ vựng – ngữ nghĩa vẫn là một thực thể sinh động, đa dạng, nhiều màu sắc nếu được khai thác một cách có hệ thống và triệt để. Việc nghiên cứu phạm trù chuyển động theo hướng Từ vựng – Ngữ nghĩa cũng không phải là một ngoại lệ.

Bên cạnh đó, xuất phát từ nhu cầu dạy – học trong Nhà trường, những kết quả qua việc nghiên cứu trường nghĩa chuyển động sẽ phục vụ trực tiếp cho những bộ môn như: Từ vựng – ngữ nghĩa học tiếng Việt, môn Ngữ pháp tiếng Việt, môn Từ điển học ở bậc đại học; phân môn tiếng Việt của bộ môn Ngữ văn trong Nhà trường phổ thông.

Nhìn nhận tầm quan trọng của việc nghiên cứu trường nghĩa chuyển động và từ nhu cầu thực tiễn trên, chúng tôi chọn *Đặc điểm ngữ nghĩa của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt* làm đề tài cho Luận văn này.

2. Lịch sử nghiên cứu

Công trình *Thử nghiệm phân tích đối chiếu vào nghiên cứu cấu trúc của từ* của V.G. Gác (1965) đã bước đầu phác thảo các phạm trù ngữ nghĩa của nhóm động từ chuyển động. Theo đó, những phạm trù ngữ nghĩa tồn tại điển hình trong chuyển động như: *điểm đến mà chuyển động hướng tới, nhịp độ chuyển động, hướng chuyển động, khoảng cách, kích thước, thời gian chuyển động*. Đây là cơ sở lí thuyết quan trọng khi chúng tôi tiếp cận đặc điểm ngữ nghĩa của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt.

Từ đó, Lê Quang Thiêm đã nghiên cứu động từ chuyển động qua công trình: *Thử nghiệm nghiên cứu đối chiếu ngữ nghĩa động từ chuyển động trong tiếng Bungari – Việt và Xôphia – Bungari* viết bằng tiếng Bungari, in trên Tạp chí Ngôn ngữ học đối chiếu số 2, năm 1980.

Ở trong nước, từ những năm 70 của thế kỉ XX, các nhà Việt ngữ học đã chú ý nghiên cứu động từ - hệ thống từ loại phức tạp nhất trong tiếng Việt. Đặc biệt, nhóm động từ chuyển động đã được các tác giả Nguyễn Kim Thản, Nguyễn Lai, Đinh Văn Đức, Diệp Quang Ban, Hà Quang Năng, Vũ Thế Thạch, Hữu Đạt quan tâm tìm hiểu ở nhiều khía cạnh.

Ở bình diện ngữ pháp, động từ chuyển động đã được nghiên cứu như sau:

- Với *Động từ trong tiếng Việt* (1977), Nguyễn Kim Thản đã trình bày địa vị, cấu tạo của động từ trong tiếng Việt nói chung. Khi tiến hành phân loại hệ thống động từ, Nguyễn Kim Thản đã dựa vào hai tiêu chí phân loại: theo sự phân phối của các hư từ phục vụ động từ và theo tính chất chi phối của động từ.

+ Dựa trên tiêu chí phân phối hư từ phục vụ, động từ tiếng Việt được chia thành 6 nhóm. Trong đó, các động từ vận động có phương hướng xác định như: *ra, vào, lên, xuống, đến, tới, sang, qua, lại, về* thuộc nhóm động từ trừu tượng. Bên cạnh đó, các động từ như: *bay, bò, chạy, chui..v.v.* thuộc nhóm động từ đa phương.

+ Dựa trên tiêu chí tính chất chi phối, động từ được chia thành 11 nhóm. Trong đó, *ra, vào, lên, xuống, đến, tới, sang, qua, lại, về* được xếp vào nhóm nửa tác động. Một nhóm khác gồm các động từ: *bò, lê la, lảng vảng, lởn vởn..v.v.* được

xếp vào nhóm động từ không tác động. Và một nhóm các động từ: *trườn, trượt, nhoai..v.v.* được gọi là động từ chỉ hoạt động của bộ phận cơ thể.

- Đến công trình *Ngữ pháp tiếng Việt (phần Từ loại)* (2001), Đinh Văn Đức đã trình bày ý nghĩa của động từ. Theo đó, động từ có ý nghĩa "khái quát nhất là ý nghĩa vận động – động từ chỉ các dạng vận động khác nhau của tất cả những gì nằm trong phạm trù thực thể" trong không gian và trong thời gian. Đây là một trong những cơ sở quan trọng khi chúng tôi tiến hành hình thành khái niệm động từ chuyển động.

Bên cạnh đó, tác giả còn nghiên cứu quan hệ ngữ pháp giữa danh từ và động từ, khả năng kết hợp của động từ để tạo thành động ngữ, xem xét động từ ở phương diện nội/ ngoại động. Ngoài ra, tác giả đã bước đầu phát hiện những biến đổi ngữ pháp của nhóm động từ chuyển động. Theo đó, các động từ trong nhóm này có thể thực hiện chức năng của một động từ chuyển động một cách đúng nghĩa (ví dụ: *Ai qua Phú Thọ/ Ai xuôi Trung Hà/ Ai về Hưng Hóa/ Ai xuống khu ba/ Ai vào khu bốn.)* hoặc có thể không còn là động từ chuyển động nữa. Lúc đó, chúng trở thành **từ phụ chỉ hướng** của động từ (ví dụ: *chạy ra, chạy vào, chạy lên, chạy xuống)* và **từ nối** (ví dụ: *bỏ con cá vào giỏ; đặt cây bút lên bàn)*. Tuy nhiên ở phần này, tác giả chỉ mới đặt vấn đề và nêu một cách khái quát. Điều này đã giúp chúng tôi đặt ra mục tiêu nghiên cứu xu hướng chuyển từ thực từ sang hư từ của các động từ chuyển động trong tiếng Việt một cách hệ thống, triệt để hơn.

- Một công trình ngữ pháp khác có đề cập đến động từ là *Ngữ pháp tiếng Việt* (2012) của Diệp Quang Ban trong chương III: Cụm động từ. Ở đây, tác giả đã tìm hiểu những kết hợp ngữ pháp của **động từ mang ý nghĩa chuyển dời** trong quá trình hình thành cụm động từ. Theo đó, "nhóm những động từ mang ý nghĩa dời chuyển" có khả năng kết hợp với phụ từ chỉ hướng nhưng không có khả năng kết hợp với thực từ - danh từ chỉ đối tượng. Vậy nên, cụm động từ có thành tố chính là động từ mang ý nghĩa dời chuyển chỉ có thể biểu thị **ý nghĩa "tự dời chuyển" có hướng**. Đây là tiền đề quan trọng để chúng tôi có thể xác lập rõ ranh giới giữa nhóm động từ chuyển động với các nhóm động từ gần gũi khác.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu động từ theo hướng ngữ pháp đã mô tả những kết cấu ngữ pháp và các biến đổi về đặc điểm ngữ pháp chung cho cả hệ thống. Trong những kết cấu và biến đổi ngữ pháp này, các tác giả đã chạm đến vấn đề ngữ pháp của động từ mang ý nghĩa hoạt động chuyển dời, từ đó giúp chúng tôi hình thành những tiền đề quan trọng khi đi sâu nghiên cứu đặc điểm ngữ nghĩa cho đối tượng này.

Ở bình diện ngữ nghĩa, động từ chuyển động đã được nghiên cứu như sau:

- Vũ Thế Thạch (1978) đã đóng góp cho hướng nghiên cứu ngữ nghĩa khi nhắc về các từ vận động chỉ hướng với bài viết đầu tiên: *Nghĩa của những từ như "ra – vào; lên – xuống" trong các tổ hợp kiểu "đi vào, đẹp lên"*. Bài viết này nghiên cứu sâu mối quan hệ trái nghĩa của *ra – vào, lên – xuống.* Do đó, chúng tôi xác định không đề cập đến mối quan hệ này trong Luận văn. Bên cạnh đó, bài viết đã xem xét đối tượng này ở hướng hư hóa ngữ nghĩa, không còn đóng vai trò thực từ. Tuy nhiên, tác giả vừa chỉ giới hạn nghiên cứu ở *ra, vào, lên, xuống.* Điều này đã giúp chúng tôi đặt ra hướng nghiên cứu vào nhóm các động từ chuyển động còn lại ở vai trò hư từ như: *đến, tới, sang, qua, lại, về.*

- Quan trọng hơn, Vũ Thế Thạch (1985) sau này đã đi theo khuynh hướng định danh trong nghiên cứu ngữ nghĩa với bài viết *Ngữ nghĩa và cấu trúc của động từ trong tiếng Việt.* Trong đó, đối tượng mà luận văn hướng đến nằm ở nhóm những *động từ chủ thể* mà bài viết đưa ra. Nhóm này sẽ có các thành phần nghĩa vị như: hành động, cách thức, môi trường, vị trí, phương hướng… Đây là cơ sở quan trọng để chúng tôi tìm hiểu và xây dựng cấu trúc ngữ nghĩa của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt.

- Khi tiếp cận công trình *Nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt* (1990), chúng tôi nhận thấy Nguyễn Lai đã chú ý miêu tả ngữ nghĩa của *đi, lại, về, đến, tới, sang, qua*. Cụ thể, *đi* đồng thời tồn tại nét nghĩa xuất phát và nét nghĩa tiếp cận; *đến – tới* có cùng chung nét nghĩa tiếp cận; *sang – qua* có cùng chung nét nghĩa vượt qua; *lại – về* cùng chung nét nghĩa trở về nơi chủ thể đã xuất phát. Tuy nhiên, tác giả chưa chú ý đến sự liên kết, mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các động từ

trên. Do vậy, hướng nghiên cứu này đã đặt ra cho chúng tôi những gợi ý quan trọng khi tìm hiểu mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các động từ: *đi, đến, tới, lại, về, sang, qua* trong nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt.

- Ngoài ra, việc động từ chuyển động hư hóa ngữ nghĩa cũng được Hà Quang Năng (1991) tìm hiểu trong bài viết *Một cách lí giải mối quan hệ ngữ nghĩa giữa động từ chuyển động có định hướng và từ chỉ hướng trong tiếng Việt*. Bài này tác giả đã tập trung phân tích mối quan hệ ngữ nghĩa khi chuyển hóa của 10 động từ: *ra, vào, lên, xuống, sang, qua, lại, về, đến, tới.* Tuy nhiên, quan điểm ở đây của Hà Quang Năng không mấy khác biệt so với Nguyễn Kim Thản, Nguyễn Lai trước đó.

Nhìn chung, ở hướng ngữ nghĩa, các nhà Việt ngữ đã dành sự quan tâm đặc biệt cho nhóm động từ chuyển động có định hướng, nghiên cứu việc hư hóa ngữ nghĩa của chúng. Tuy nhiên, bên cạnh đối tượng này còn tồn tại một nhóm động từ phong phú hơn: động từ chuyển động không có định hướng . Cho nên, ngoài việc khai thác triệt để hơn đặc điểm của nhóm động từ chuyển động có hướng, chúng tôi sẽ đi sâu tìm hiểu thêm các đặc điểm ngữ nghĩa của động từ chuyển động không hướng ở chương 3.

Ở hướng nghiên cứu tri nhận, động từ chuyển động được nghiên cứu qua bài viết *Thử áp dụng lí thuyết ngôn ngữ học tri nhận vào phân tích nhóm từ đồng nghĩa chỉ vận động "rời chỗ" trong tiếng Việt* của tác giả Hữu Đạt (2007). Bài viết xem xét ngữ nghĩa của động từ *đi* và chú ý đến hiện tượng chuyển nghĩa của nó khi chuyển thành hư từ theo con đường hư hóa ngữ nghĩa từ vựng. Kết quả hầu như giống với hướng ngữ pháp, chỉ khác rằng: ngữ pháp đi theo con đường biến đổi kết cấu và chức năng cú pháp còn tri nhận đi theo con đường xem xét những ý niệm, nét nghĩa. Sau cùng, bài viết quan niệm *đi* đồng nghĩa bộ phận với các động từ: *đến, tới, sang, qua, lại, vào, lên, xuông…* theo quan điểm của John Lyons trong *Ngữ nghĩa học dẫn luận* nhưng vẫn chưa đi sâu nghiên cứu mối quan hệ giữa các động từ trên. Đây là hướng nghiên cứu tiềm năng mà Luận văn hướng đến ở chương 3.

Bên cạnh các công trình chuyên luận, việc nghiên cứu đối tượng động từ chuyển động trong tiếng Việt còn được các tác giả trình bày trong những Luận văn

với mục đích: đối chiếu động từ chuyển động trong tiếng Việt với các ngôn ngữ khác (đối chiếu với tiếng Pháp của Hoàng Thị Hoài Phương, 2010; đối chiếu với tiếng Nga của Đào Đức Nguyên, 2006; dùng tiếng Hán so sánh với tiếng Việt của Trịnh Minh Hải, 2008). Trong đó, tác giả Hoài Phương chỉ dẫn theo 7 động từ chuyển động để tìm hiểu (*đi, đến, ra, vào, lên, xuống, sang)*, tác giả Trịnh Minh Hải giới hạn phạm vi đối chiếu ở từ chỉ hướng vận động, tác giả Đào Đức Nguyên chỉ đối chiếu chung, không dẫn cụ thể số lượng kèm danh sách động từ chuyển động. Các luận văn này đều nghiên cứu ở mặt ngữ pháp lẫn ngữ nghĩa nhưng mục đích cuối cùng vẫn là đối chiếu. Do đó, các công trình đều dừng lại nghiên cứu động từ chuyển động trong tiếng Việt ở mức độ khái lược.

Nhìn chung, mỗi công trình đều đã đặt ra những cơ sở lí luận quan trọng khi tiếp cận động từ chuyển động này. Đây là một nhóm lớn trong hệ thống động từ tiếng Việt, nhưng tính tới thời điểm hiện tại, việc tìm hiểu nhóm động từ này chưa được công trình nào nghiên cứu tập trung theo một hệ thống bằng hướng nghiên cứu lí thuyết trường nghĩa và chưa được nghiên cứu một cách thấu đáo về các mối quan hệ ngữ nghĩa tồn tại trong trường này. Từ đó đặt ra những yêu cầu nhất định cho Luận văn này trong việc giải quyết những vấn đề còn bỏ ngỏ, phục vụ cho việc mô tả bức tranh chung của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu *Đặc điểm ngữ nghĩa của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt* nhằm chỉ ra những đặc điểm ngữ nghĩa bao gồm:

- Nghĩa biểu vật của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt.
- Cấu trúc nghĩa biểu niệm của nhóm và các tiểu nhóm trong hệ thống động từ chuyển động trong tiếng Việt.
- Quan hệ ngữ nghĩa của nhóm bao gồm: quan hệ đồng nghĩa, hiện tượng đa nghĩa.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: đặc điểm ngữ nghĩa của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Chúng tôi thống kê, nghiên cứu động từ chuyển động trong tiếng Việt dưa trên *Từ điển tiếng Việt* của Trung tâm Từ điển học Vietlex do Hoàng Phê chủ biên, xuất bản năm 2011, Nhà xuất bản Đà Nẵng. Quyển này gồm 45.850 mục từ.

+ Chúng tôi tập trung hơn khảo sát vào những động từ chuyển động điển hình xuất hiện với tần số lớn, trong đó chủ yếu tập trung vào các động từ*: đi, chạy, nhảy, bay, bò, trườn, toài, lăn, lê….*

Trong nhóm động từ chuyển động, có một bộ phận động từ: *đến, tới, sang, qua, lại, về…* đó là động từ chỉ hướng chuyển động. Nhóm này nằm trong phạm vi khảo sát của chúng tôi.

+ Chúng tôi không khảo sát nhóm từ: *cúi, ngoảnh, ngẩng, quay, co, giãn…*đây là những động từ biểu thị sự thay đổi, sự vận động tư thế/ trạng thái của cơ thể hay một bộ phận cơ thể con người ở một vị trí không gian nhất định. Do đó, nhóm này hoàn toàn không có nét nghĩa chuyển di, rời chỗ.

+ Chúng tôi cũng không đưa nhóm từ: *xô, đẩy, quăng, quẳng, ném, vứt…* vào phạm vi khảo sát. Bởi đây là nhóm động từ mang nét nghĩa làm cho đối thể chuyển động (ngoại động), không mang nét nghĩa chuyển động của chủ thể.

+ Chúng tôi cũng không khảo sát và nghiên cứu những động từ chuyển động mang tính địa phương, khẩu ngữ, từ ít dùng, từ cổ tồn tại trong hoặc ngoài *Từ điển tiếng Việt* (2011).

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp miêu tả, với các thủ pháp sau:

- Thủ pháp thống kê toán học
- Thủ pháp phân loại - hệ thống hóa
- Thủ pháp phân tích thành tố trực tiếp
- Thủ pháp phân tích nét nghĩa
- Thủ pháp phân tích ngôn cảnh

6. Dự kiến đóng góp của luận văn

- Xác định được một danh sách động từ chuyển động trong tiếng Việt;

- Phân lập được nhóm động từ chuyển động với các nhóm động từ gần gũi khác;

- Xây dựng mô hình cấu trúc nghĩa biểu niệm và hệ thống nghĩa biểu vật của nhóm động từ chuyển động trong trong tiếng Việt;

- Làm rõ các mối quan hệ ngữ nghĩa (đồng nghĩa, đa nghĩa) tồn tại trong nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt.

- Cung cấp tư liệu cho công tác giảng dạy và học tập môn Từ vựng – ngữ nghĩa học tiếng Việt, môn Ngữ pháp tiếng Việt, môn Từ điển học ở bậc đại học; phân môn tiếng Việt của bộ môn Ngữ văn ở Nhà trường phổ thông.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài các phần: Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được trình bày trong ba chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lí thuyết. Trình bày khái lược về động từ tiếng Việt. Giới thuyết khái niệm động từ chuyển động và khu biệt nhóm này với các nhóm động từ khác trong tiếng Việt. Làm sáng rõ những vấn đề mang tính lí thuyết, phương pháp như: lí thuyết trường nghĩa, lí thuyết về các thành phần nghĩa của từ (nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm), lí thuyết về quan hệ ngữ nghĩa, hiện tượng đa nghĩa, chuyển nghĩa trong một trường từ vựng.

Chương 2: Cấu trúc ngữ nghĩa của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt. Trình bày hệ thống nghĩa biểu vật và cấu trúc nghĩa biểu niệm của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt.

Chương 3: Quan hệ ngữ nghĩa của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt. Trình bày các xu hướng chuyển nghĩa, quan hệ đồng nghĩa, đồng nghĩa bộ phận, hiện tượng đa nghĩa của những động từ tiêu biểu của nhóm động từ chuyển động trong tiếng Việt.